

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải

2. Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thảo Vy - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Thái Chân - kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Mạch Văn C, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà T có mặt và bị đơn C có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- *Nguyên đơn Lê Thị T trình bày:* Bà và ông Mạch Văn C không có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1978 và có chung con lớn sinh năm 1980. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi, nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Mạch Văn C.

Về con chung: Có các con chung Mạch Hữu N, sinh năm 1980; Mạch Thị Thùy P, sinh năm 1983; Mạch Thị Trúc L, sinh năm 1991 và Mạch Thị Hồng Â, sinh năm 2005. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có căn nhà cấp 4 hiện đang sinh hoạt, tọa lạc tại ấp M, xã T, thành phố V. Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Mạch Văn C trình bày: Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án; tuy nhiên, do công việc nên không thể đến tham gia tố tụng. Nay về quan hệ hôn nhân thì ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị T.

Về con chung: Có các con chung như trên và đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh phát biểu: Về tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn bà T được miễn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị T khởi kiện ông Mạch Văn C có địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông C ly hôn nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua quá trình chung sống và lời khai thống nhất của đương sự có cơ sở xác định như sau: Bà Lê Thị T và ông Mạch Văn C có tổ chức đám cưới và chung sống thực tế từ năm 1987, được hai bên gia đình đồng ý, cùng nhau xây dựng gia đình và có các con chung, con lớn tên Mạch Hữu N, sinh năm 1980 và Mạch Thị Thùy

P sinh năm 1983. Do đó, mặc dù bà T và ông C không ai xuất trình được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Nhưng căn cứ vào lời khai thống nhất các đương sự có cơ sở xác định bà T và ông C đã tồn tại quan hệ hôn nhân thực tế được xác lập trước năm 1986 và đây là sự kiện pháp lý không cần phải chứng minh, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà T cho rằng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn; nay ông C cũng thống nhất ly hôn với bà T. Nên Hội đồng xét xử giải quyết cho bà T ly hôn ông C là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không tranh chấp yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T ly hôn với ông Mạch Văn C.
2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.
5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Mạch Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND xã Tân Tiến, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị P1